



SUTTANTAPIṬAKE KHUDDAKANIKĀYE

MILINDAPAÑHAPĀḶI

&

MILINDA VẤN ĐẠO

2. BHAGAVATO SABBAÑÑUTĀPAÑHO

1. “Bhante nāgasena, buddho sabbaññū ”ti?

“Āma mahārāja, bhagavā sabbaññū. Na ca bhagavato satataṃ samitaṃ ñāṇadassanaṃ paccupaṭṭhitaṃ. Āvajjanapaṭibaddhaṃ bhagavato sabbaññutañāṇaṃ. Āvajjetvā¹ yadicchakaṃ jānāti ”ti.

“Tena hi bhante nāgasena buddho asabbaññū, yadi tassa pariyesanāya sabbaññutañāṇaṃ hoti ”ti.

“Vāhasataṃ kho mahārāja vīhīnaṃ aḍḍhacūḷaṅca vāhā vīhisattammaṇāni² dve ca tumbā ekaccharākkhaṇe pavattacittassa ettakā vīhī lakkhaṃ ṭhapiyamānā³ parikkhayaṃ pariyādānaṃ gaccheyyūṃ. Tatrime sattavidhā cittā pavattanti: ye te mahārāja sarāgā sadosā samohā sakkilesā abhāvitakāyā abhāvitasilā abhāvitacittā abhāvitapaññā, tesam taṃ cittaṃ garukaṃ uppajjati, dandhaṃ pavattati. Kiṃkāraṇā? Abhāvitattā cittassa.

Yathā mahārāja vaṃsanāḷassa vitatassa visāḷassa vitthiṇṇassa saṃsibbitavisibbitassa sākḥajāṭajāṭitassa ākaḍḍhiyantassa garukaṃ hoti āgamaṇaṃ dandhaṃ. Kiṃkāraṇā? Saṃsibbitavisibbitattā sākḥānaṃ. Evameva kho mahārāja ye te sarāgā sadosā samohā sakkilesā⁴ abhāvitakāyā abhāvitasilā abhāvitacittā abhāvitapaññā, tesam taṃ cittaṃ garukaṃ uppajjati, dandhaṃ pavattati. Kiṃkāraṇā? Saṃsibbitavisibbitattā kilesehi. Idaṃ paṭhamaṃ cittaṃ.

2. Tatriddhaṃ dutiyaṃ cittaṃ vibhattimāpajjati.⁵ Ye te mahārāja sotāpannā pihitāpāyā diṭṭhippattā viññātasatthusāsanā, tesam taṃ cittaṃ tisu ṭhānesu lahukaṃ uppajjati⁶ uparibhūmisu⁷ garukaṃ uppajjati dandhaṃ pavattati. Kiṃkāraṇā? Tisu ṭhānesu cittassa parisuddhattā, upari kilesānaṃ appahīnattā.

Yathā mahārāja vaṃsanāḷassa tipabbagaṇṭhiparisuddhassa upari sākḥajāṭajāṭitassa ākaḍḍhiyantassa yāvatipabbaṃ tāva lahukaṃ eti. Tato upari thaddhaṃ, kiṃkāraṇā? Hetṭhā parisuddhattā, upari sākḥajāṭajāṭitattā.

¹ āvajjitvā - Ma, PTS.

² vīhisattambaṇāni - Ma.

³ ṭhapiyamāne - PTS.

⁴ sakilesā - Ma.

⁵ vibhattamāpajjati - Ma, evaṃ sabbattha.

⁶ lahukaṃ uppajjati lahukaṃ pavattati - Ma, PTS.

⁷ uparibhūmisu - Ma, evaṃ sabbattha.

2. CÂU HỎI VỀ BẢN THỂ TOÀN TRI CỦA ĐỨC THẾ TÔN:

1. “Thưa ngài Nāgasena, có phải đức Phật là đấng Toàn Tri?”

“Tâu đại vương, đúng vậy. Đức Thế Tôn là đấng Toàn Tri. Tuy nhiên đối với đức Thế Tôn, sự biết và thấy không hiện diện một cách thường xuyên, liên tục. Trí Toàn Tri của đức Thế Tôn gắn liền vào sự hướng tâm. Sau khi hướng tâm thì Ngài biết theo như ý muốn.”

“Thưa ngài Nāgasena, như thế thì đức Phật là không Toàn Tri, nếu Trí Toàn Tri của Ngài là do sự suy tầm.”

“Tâu đại vương, có một trăm xe lúa, mỗi xe là bảy tạ rưỡi và hai gạ lúa.¹ Chùng ấy trăm ngàn hạt lúa có thể được xác định, có thể đạt đến kết quả cuối cùng bởi tâm được vận hành trong khoảng thời gian một khảy móng tay. Ở đây, có bảy loại tâm này vận hành: Tâm đại vương, những người nào còn luyến ái, còn sân hận, còn si mê, còn phiền não, có thân chưa được tu tập, có giới chưa được tu tập, có tâm chưa được tu tập, có tuệ chưa được tu tập, tâm ấy của những người ấy sanh lên một cách trì trệ, vận hành một cách chậm chạp. Vì lý do gì? Vì tính chất chưa được tu tập của tâm.

Tâu đại vương, giống như đối với cành tre được tủa ra, rậm rạp, lan rộng, bị kết chùm chưa được gỡ ra, bị rối rắm với những cụm cành lá, trong khi được lôi kéo thì sự chuyển động là trì chệ, chậm chạp. Vì lý do gì? Vì tính chất kết chùm chưa được gỡ ra của các cành. Tâu đại vương, tương tự y như thế những người nào còn luyến ái, còn sân hận, còn si mê, còn phiền não, có thân chưa được tu tập, có giới chưa được tu tập, có tâm chưa được tu tập, có tuệ chưa được tu tập, tâm ấy của những người ấy sanh lên một cách trì trệ, vận hành một cách chậm chạp. Vì lý do gì? Vì tính chất kết chùm chưa được gỡ ra bởi các phiền não. Đây là loại tâm thứ nhất.

2. Ở đây, có loại tâm thứ nhì này đạt được sự phân hạng. Tâu đại vương, những người nào là bậc Nhập Lưu, có các cõi khổ đã được đóng lại, đã đạt được Chánh Kiến, đã nhận thức được Giáo Pháp của bậc Đạo Sư, tâm ấy của những người ấy sanh lên một cách nhẹ nhàng ở ba trường hợp,² sanh lên một cách trì trệ, vận hành một cách chậm chạp ở các cảnh giới bậc trên. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được trong sạch của tâm ở ba trường hợp, vì tính chất chưa được dứt bỏ của các phiền não bậc trên.

Tâu đại vương, giống như đối với cành tre đã được tia sạch các mắc ở ba lóng, còn bị rối rắm bởi những cụm cành lá ở phía trên, trong khi được lôi kéo thì di chuyển một cách nhẹ nhàng chỉ đến ba lóng, từ đó trở lên thì bị dính cứng. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được tia sạch ở phần dưới, vì tính chất rối rắm bởi những cụm cành lá ở phía trên.

¹ *ammaṇaṃ* và *tumba*: là hai đơn vị đo lường, được phỏng dịch là tạ (100 kg) và gạ (40 lít) vì không tìm được ý nghĩa chính xác (ND).

² Ba trường hợp: Thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ (ND).

Evameva kho mahārāja ye te sotāpannā pihitāpāyā diṭṭhippattā viññātasatthusāsānā, tesam taṃ cittaṃ tisu ṭhānesu lahukaṃ uppajjati, lahukaṃ pavattati, uparibhūmisu garukaṃ uppajjati, dandhaṃ pavattati. Kiṃkāraṇā? Tisu ṭhānesu parisuddhattā¹ upari kilesānaṃ appahīnattā. Idaṃ dutiyaṃ cittaṃ.

3. Tatrīdaṃ tatiyaṃ cittaṃ vibhattimāpajjati. Ye te mahārāja sakadāgāmino yesaṃ rāgadosamohā tanubhūtā, tesam taṃ cittaṃ pañcasu ṭhānesu lahukaṃ uppajjati, lahukaṃ pavattati, uparibhūmisu garukaṃ uppajjati, dandhaṃ pavattati. Kiṃkāraṇā? Pañcasu ṭhānesu parisuddhattā,¹ upari kilesānaṃ appahīnattā. Yathā mahārāja vaṃsanāḷassa pañcapabbagaṇṭhiparisuddhassa upari sākḥajāṭajāṭitassa ākaḍḍhiyantassa yāva pañcapabbaṃ tāva lahukaṃ eti, tato upari thaddhaṃ. Kiṃkāraṇā? Heṭṭhā parisuddhattā, upari sākḥajāṭajāṭitattā. Evameva kho mahārāja ye te sakadāgāmino, yesaṃ rāgadosamohā tanubhūtā, tesam taṃ cittaṃ pañcasu ṭhānesu lahukaṃ uppajjati, lahukaṃ pavattati, uparibhūmisu garukaṃ uppajjati, dandhaṃ pavattati. Kiṃkāraṇā? Pañcasu ṭhānesu cittaṃ parisuddhattā, upari kilesānaṃ appahīnattā. Idaṃ tatiyaṃ cittaṃ.

4. Tatrīdaṃ catutthaṃ cittaṃ vibhattimāpajjati. Ye te mahārāja anāgāmino, yesaṃ pañcorambhāgiyāni saṃyojanāni pahīnāni, tesam taṃ cittaṃ dasasu ṭhānesu lahukaṃ uppajjati, lahukaṃ pavattati, uparibhūmisu garukaṃ uppajjati dandhaṃ pavattati. Kiṃkāraṇā? Dasasu ṭhānesu cittaṃ parisuddhattā, upari kilesānaṃ appahīnattā. Yathā mahārāja vaṃsanāḷassa dasapabbagaṇṭhiparisuddhassa upari sākḥajāṭajāṭitassa ākaḍḍhiyantassa yāva dasapabbaṃ tāva lahukaṃ eti, tato upari thaddhaṃ. Kiṃkāraṇā? Heṭṭhā parisuddhattā, upari sākḥajāṭajāṭitattā. Evameva kho mahārāja ye te anāgāmino yesaṃ pañcorambhāgiyāni saṃyojanāni pahīnāni, tesam taṃ cittaṃ dasasu ṭhānesu lahukaṃ uppajjati, lahukaṃ pavattati, uparibhūmisu garukaṃ uppajjati, dandhaṃ pavattati. Kiṃkāraṇā? Dasasu ṭhānesu cittaṃ parisuddhattā, upari kilesānaṃ appahīnattā. Idaṃ catutthaṃ cittaṃ.

¹ cittaṃ parisuddhattā - Ma.

Tâu đại vương, tương tự y như thế những người nào là bậc Nhập Lưu, có các cõi khổ đã được đóng lại, đã đạt được Chánh Kiến, đã nhận thức được Giáo Pháp của bậc Đạo Sư, tâm ấy của những người ấy sanh lên một cách nhẹ nhàng ở ba trường hợp, sanh lên một cách trì trệ, vận hành một cách chậm chạp ở các cảnh giới bậc trên. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được trong sạch ở ba trường hợp, vì tính chất chưa được dứt bỏ của các phiền não bậc trên. Đây là loại tâm thứ nhì.

3. Ở đây, có loại tâm thứ ba này đạt được sự phân hạng. Tâu đại vương, những người nào là bậc Nhất Lai, có sự luyến ái, sân hận, si mê ở trạng thái giảm thiểu, tâm ấy của những người ấy sanh lên một cách nhẹ nhàng, vận hành một cách nhẹ nhàng ở năm trường hợp,¹ sanh lên một cách trì trệ, vận hành một cách chậm chạp ở các cảnh giới bậc trên. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được trong sạch của tâm ở năm trường hợp, vì tính chất chưa được dứt bỏ của các phiền não bậc trên. Tâu đại vương, giống như đối với cành tre đã được tia sạch các mắc ở năm lóng, còn bị rối rắm bởi những cụm cành lá ở phía trên, trong khi được lôi kéo thì di chuyển một cách nhẹ nhàng chỉ đến năm lóng, từ đó trở lên thì bị dính cứng. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được tia sạch ở phần dưới, vì tính chất rối rắm bởi những cụm cành lá ở phía trên. Tâu đại vương, tương tự y như thế những người nào là bậc Nhất Lai, có sự luyến ái, sân hận, si mê ở trạng thái giảm thiểu, tâm ấy của những người ấy sanh lên một cách nhẹ nhàng, vận hành một cách nhẹ nhàng ở năm trường hợp, sanh lên một cách trì trệ, vận hành một cách chậm chạp ở các cảnh giới bậc trên. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được trong sạch của tâm ở năm trường hợp. Đây là loại tâm thứ ba.

4. Ở đây, có loại tâm thứ tư này đạt được sự phân hạng. Tâu đại vương, những người nào là bậc Bất Lai, có năm sự ràng buộc ở phần dưới đã được dứt bỏ, tâm ấy của những người ấy sanh lên một cách nhẹ nhàng, vận hành một cách nhẹ nhàng ở mười trường hợp,² sanh lên một cách trì trệ, vận hành một cách chậm chạp ở các cảnh giới bậc trên. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được trong sạch của tâm ở mười trường hợp, vì tính chất chưa được dứt bỏ của các phiền não bậc trên. Tâu đại vương, giống như đối với cành tre đã được tia sạch các mắc ở mười lóng, còn bị rối rắm bởi những cụm cành lá ở phía trên, trong khi được lôi kéo thì di chuyển một cách nhẹ nhàng chỉ đến mười lóng, từ đó trở lên thì bị dính cứng. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được tia sạch ở phần dưới, vì tính chất rối rắm bởi những cụm cành lá ở phía trên. Tâu đại vương, tương tự y như thế những người nào là bậc Bất Lai, có năm sự ràng buộc ở phần dưới đã được dứt bỏ, tâm ấy của những người ấy sanh lên một cách nhẹ nhàng, vận hành một cách nhẹ nhàng ở mười trường hợp, sanh lên một cách trì trệ, vận hành một cách chậm chạp ở các cảnh giới bậc trên. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được trong sạch của tâm ở mười trường hợp, vì tính chất chưa được dứt bỏ của các phiền não bậc trên. Đây là loại tâm thứ tư.

¹ Năm trường hợp: Thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ, tham dục, và sân hận (ND).

² Mười trường hợp: Thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ, tham dục, sân hận, ái sắc, ái vô sắc, ngã mạn, phóng dật, và vô minh (ND).

5. Tatridaṃ pañcamaṃ cittaṃ vibhattimāpajjati. Ye te mahārāja arahanto khīnāsavā dhotamalā vantakilesā vusitavanto katakaraṇīyā ohitabhārā anuppattasadatthā parikkhīṇabhavasamaṃyojanā patta-paṭisambhidā sāvaka bhūmisu parisuddhā, tesam cittaṃ¹ sāvakavisaye lahukaṃ uppajjati, lahukaṃ pavattati, paccekabuddhabhūmisu garukaṃ uppajjati, dandhaṃ pavattati. Kiṃkāraṇā? Parisuddhattā sāvakavisaye, aparisuddhattā paccekabuddhavisaye. Yathā mahārāja vaṃsanāḷassa sabbapabbagaṇṭhiparisuddhassa ākaḍḍhiyantassa lahukaṃ hoti āgamaṇaṃ adandhaṃ. Kiṃkāraṇā? Sabbapabbagaṇṭhiparisuddhattā agahanattā vaṃsassa. Evameva kho mahārāja ye te arahanto khīnāsavā dhotamalā vantakilesā vusitavanto katakaraṇīyā ohitabhārā anuppattasadatthā parikkhīṇabhavasamaṃyojanā patta-paṭisambhidā sāvaka bhūmisu parisuddhā, tesam taṃ cittaṃ sāvakavisaye lahukaṃ uppajjati, lahukaṃ pavattati, paccekabuddhabhūmisu garukaṃ uppajjati, dandhaṃ pavattati. Kiṃkāraṇā? Parisuddhattā sāvakavisaye, aparisuddhattā paccekabuddhavisaye. Idaṃ pañcamaṃ cittaṃ.

6. Tatridaṃ chaṭṭhaṃ cittaṃ vibhattimāpajjati. Ye te mahārāja paccekabuddhā sayambhuno anācariyakā ekacārino khaggavisāṇakappā sakavisaye parisuddhavimalacittā, tesam taṃ cittaṃ sakavisaye lahukaṃ uppajjati lahukaṃ pavattati, sabbaññūbuddhabhūmisu garukaṃ uppajjati dandhaṃ pavattati. Kiṃkāraṇā? Parisuddhattā sakavisaye, mahantattā sabbaññūbuddhavisayassa.

Yathā mahārāja puriso sakavisayaṃ parittaṃ nadiṃ rattimpi divā 'pi yadicchakaṃ asam bhito² otareyya, athāparato³ mahāsamuddaṃ gambhīraṃ vitthataṃ agādhamapāraṃ disvā bhāyeyya, dandhāyeyya, na visaheyya otarituṃ. Kiṃkāraṇā? Ciṇṇattā⁴ sakavisayassa, mahantattā ca mahāsamuddassa. Evameva kho mahārāja ye te pacceka-buddhā sayambhuno anācariyakā ekacārino khaggavisāṇakappā, sakavisaye parisuddhavimalacittā, tesam taṃ cittaṃ sakavisaye lahukaṃ uppajjati, lahukaṃ pavattati, sabbaññūbuddhabhūmisu garukaṃ uppajjati dandhaṃ pavattati. Kiṃkāraṇā? Parisuddhattā sakavisayassa,⁵ mahantattā sabbaññūbuddhavisayassa. Idaṃ chaṭṭhaṃ cittaṃ.

¹ tesam taṃ cittaṃ - Ma, PTS.

² acchambhito - Ma; asam bhito - PTS.

³ atha parato - Ma.

⁴ tiṇṇattā - Ma.

⁵ sakavisaye - Ma.

5. Ở đây, có loại tâm thứ năm này đạt được sự phân hạng. Tàu đại vương, những người nào là bậc A-la-hán, có các lậu hoặc đã được cạn kiệt, có các bợn nhơ đã được rửa sạch, có các phiền não đã được ói ra, đã được hoàn mãn, có các việc cần làm đã làm, có các gánh nặng đã được đặt xuống, có mục đích của mình đã được đạt đến, có các sự trói buộc ở hữu đã được tiêu diệt, có các tuệ phân tích đã đạt, đã được trong sạch ở các cảnh giới của vị Thánh Văn, tâm của những người ấy sanh lên một cách nhẹ nhàng, vận hành một cách nhẹ nhàng ở phạm vi của vị Thánh Văn, sanh lên một cách trì trệ, vận hành một cách chậm chạp ở cảnh giới của vị Phật Độc Giác. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được trong sạch ở phạm vi của vị Thánh Văn, vì tính chất chưa được trong sạch của tâm ở phạm vi của vị Phật Độc Giác. Tàu đại vương, giống như đối với cành tre đã được tía sạch các mắc ở tất cả các lóng, trong khi được lôi kéo thì di chuyển một cách nhẹ nhàng, không bị dính cứng. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được tía sạch ở tất cả các lóng, vì tính chất không còn bám víu của thân cây tre. Tàu đại vương, tương tự y như thế những người nào là bậc A-la-hán, có các lậu hoặc đã được cạn kiệt, có các bợn nhơ đã được rửa sạch, có các phiền não đã được ói ra, đã được hoàn mãn, có các việc cần làm đã làm, có các gánh nặng đã được đặt xuống, có mục đích của bản thân đã được đạt đến, có các sự trói buộc ở hữu đã được tiêu diệt, có các tuệ phân tích đã đạt, đã được trong sạch ở các cảnh giới của vị Thánh Văn, tâm ấy của những người ấy sanh lên một cách nhẹ nhàng, vận hành một cách nhẹ nhàng ở phạm vi của vị Thánh Văn, sanh lên một cách trì trệ, vận hành một cách chậm chạp ở cảnh giới của vị Phật Độc Giác. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được trong sạch ở phạm vi của vị Thánh Văn, vì tính chất chưa được trong sạch của tâm ở phạm vi của vị Phật Độc Giác. Đây là loại tâm thứ năm.

6. Ở đây, có loại tâm thứ sáu này đạt được sự phân hạng. Tàu đại vương, những người nào là Phật Độc Giác, bậc tự chủ, không thầy, độc hành tự như sừng tê giác, có tâm đã được trong sạch không còn bợn nhơ ở phạm vi của mình, tâm ấy của những người ấy sanh lên một cách nhẹ nhàng, vận hành một cách nhẹ nhàng ở phạm vi của mình, sanh lên một cách trì trệ, vận hành một cách chậm chạp ở cảnh giới của vị Phật Toàn Tri. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được trong sạch ở phạm vi của mình, vì tính chất vĩ đại ở phạm vi của vị Phật Toàn Tri.

Tàu đại vương, giống như người nam có thể băng qua con sông nhỏ thuộc phạm vi của mình vào ban đêm lẫn ban ngày, theo như ước muốn, không bị hãi sợ, nhưng sau đó khi nhìn thấy đại dương sâu thẳm, mênh mông, không thể ước lượng, không có bờ bên kia, có thể hãi sợ, có thể ngần ngại, không dám vượt qua. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được quen thuộc ở phạm vi của mình, vì tính chất vĩ đại của đại dương. Tàu đại vương, tương tự y như thế những người nào là Phật Độc Giác, bậc tự chủ, không thầy, độc hành tự như sừng tê giác, có tâm đã được trong sạch không còn bợn nhơ ở phạm vi của mình, tâm ấy của những người ấy sanh lên một cách nhẹ nhàng, vận hành một cách nhẹ nhàng ở phạm vi của mình, sanh lên một cách trì trệ, vận hành một cách chậm chạp ở cảnh giới của vị Phật Toàn Tri. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được trong sạch ở phạm vi của mình, vì tính chất vĩ đại ở phạm vi của vị Phật Toàn Tri. Đây là loại tâm thứ sáu.

7. Tatrīdaṃ sattamaṃ cittaṃ vibhattimāpajjati. Ye te mahārāja sammāsambuddhā sabbañño dasabaladharā catuvesārajjavīsārādā aṭṭhārasahi buddhadhammehi samannāgatā anantajinā anāvaraṇañāṇā, tesam taṃ cittaṃ sabbattha lahukaṃ upajjati, lahukaṃ pavattati. Kiṃkāraṇā? Sabbatthaparisuddhattā. Api nu kho mahārāja nārācassa sudhotassa vimalassa niggaṇṭhissa sukhumadhārassa ajimhassa avaṅkassa akuṭilassa dalhacāpasamārūlhassa khomasukhume vā kappāsasukhume vā kambalasukhume vā balavanipātassa dandhāyitattaṃ vā laggattaṃ¹ vā hoti ”ti?

“Na hi bhante.”

“Kiṃkāraṇā?”

“Sukhumattā vatthānaṃ sudhotattā nārācassa nipātassa ca balavattā” ti.

“Evameva kho mahārāja ye te sammāsambuddhā sabbañño dasabaladharā catuvesārajjavīsārādā aṭṭhārasahi buddhadhammehi samannāgatā anantajinā anāvaraṇañāṇā, tesam taṃ cittaṃ sabbattha lahukaṃ uppajjati lahukaṃ pavattati. Kiṃkāraṇā? Sabbattha parisuddhattā. Idaṃ sattamaṃ cittaṃ.

8. Tatra mahārāja yamidaṃ² sabbaññūbuddhānaṃ cittaṃ, taṃ channampi cittānaṃ gaṇanaṃ atikkamitvā asaṅkheyyena³ guṇena parisuddhaṅca lahukaṅca. Yasmā ca bhagavato cittaṃ parisuddhaṅca lahukaṅca, tasmā mahārāja bhagavā yamakapāṭihīraṃ dasseti. Yamakapāṭihīre mahārāja ñātappaṃ ‘buddhānaṃ bhagavantaṃ cittaṃ evaṃ lahuparivattaṃ ’ti.

Na tattha sakkā uttarīṃ kāraṇaṃ vattaṃ. Te ’pi mahārāja pāṭihīrā sabbaññūbuddhānaṃ cittaṃ upādāya gaṇanampi saṅkhampi kalampi kalabhāgampi na upenti. Āvajjanapaṭibaddhaṃ mahārāja bhagavato sabbaññutaṅgaṃ āvajjetvā yadicchakaṃ jānāti. Yathā mahārāja puriso hatthe ṭhapitaṃ yaṃ kiṅci dutiye hatthe ṭhapeyya, vivaṭena mukhena vācaṃ nicchāreyya, mukhagataṃ bhojanaṃ gileyya, ummīletvā vā nimīleyya, nimīletvā vā ummīleyya, sammiñjitaṃ vā bāhaṃ pasāreyya, pasāritaṃ vā bāhaṃ sammiñjeyya, cirataraṃ etaṃ mahārāja, lahutaraṃ bhagavato sabbaññutaṅgaṃ, lahutaraṃ āvajjanaṃ. Āvajjitvā yadicchakaṃ jānāti. Āvajjanavikalāmattakena te⁴ tāvatā buddhā bhagavanto asabbañño nāma na hontī ”ti.⁵

9. “Āvajjanampi bhante nāgasena pariyesanāya kātappaṃ. Ingha maṃ tattha kāraṇena saññāpehī ”ti.

¹ lagganaṃ - Ma.

² yadidaṃ - Ma.

³ asaṅkheyyena - Ma.

⁴ na - Ma, PTS.

⁵ asabbañño nāma hontīti - Ma; asabbañño nāma [na] hontīti - PTS.

7. Ở đây, có loại tâm thứ bảy này đạt được sự phân hạng. Tàu đại vương, những người nào là Phật Chánh Đẳng Giác, đấng Toàn Tri, bậc năm giữ mười Lực, có sự tự tin ở bốn pháp tự tin, hội đủ mười tám pháp của vị Phật, là đấng Chiến Thắng vô biên, có trí không bị che lấp, tâm ấy của những người ấy sanh lên một cách nhẹ nhàng, vận hành một cách nhẹ nhàng ở mọi nơi. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được trong sạch ở mọi nơi. Tàu đại vương, phải chăng có sự vụng về hoặc sự vướng víu của mũi tên sắt khéo được làm sạch sẽ, không bợn nhơ, không có mắc mứu, có thân mềm mại, ngay thẳng, không bị cong, không bị queo, được đặt lên cây cung vững chãi, được bắn ra bởi người có sức mạnh vào tấm vải gai mềm, lớp gòn mềm, tấm len mềm?”

“Thưa ngài, không có.”

“Vì lý do gì?”

“Vì tính chất mềm mại của những tấm vải, vì tính chất được làm sạch sẽ của mũi tên sắt, và tính chất mạnh mẽ của phát bắn ra.”

“Tàu đại vương, tương tự y như thế những người nào là Phật Chánh Đẳng Giác, đấng Toàn Tri, bậc năm giữ mười Lực, có sự tự tin ở bốn pháp tự tin, hội đủ mười tám pháp của vị Phật, là đấng Chiến Thắng vô biên, có trí không bị che lấp, tâm ấy của những người ấy sanh lên một cách nhẹ nhàng, vận hành một cách nhẹ nhàng ở mọi nơi. Vì lý do gì? Vì tính chất đã được trong sạch ở mọi nơi. Đây là loại tâm thứ bảy.

8. Tàu đại vương, ở đây tâm này của chư Phật Toàn Tri vượt trội sự tính đếm của luôn cả sáu loại tâm, được trong sạch và nhẹ nhàng với đức tính vô số kể. Và tàu đại vương, bởi vì tâm của đức Thế Tôn được trong sạch và nhẹ nhàng nên đức Thế Tôn mới phô diễn song thông. Tàu đại vương, về song thông nên được biết rằng: “Tâm của chư Phật Thế Tôn có sự chuyển dịch nhẹ nhàng như thế.”

Trong trường hợp ấy, không thể nào nói hơn nữa về lý do. Tàu đại vương, những loại thần thông có liên quan đến tâm của chư Phật Toàn Tri ấy đều không thể áp đặt phép đếm, phép tính, sự chia chẻ, và luôn cả sự tách phần. Tàu đại vương, trí Toàn Tri của đức Thế Tôn được gắn liền vào sự hướng tâm, sau khi hướng tâm thì biết được theo như ý muốn. Tàu đại vương, giống như người nam có thể đặt xuống ở bàn tay thứ nhì bất cứ vật gì đã được đặt xuống ở bàn tay (thứ nhất), có thể phát ra lời nói bằng miệng đã được mở ra, có thể nuốt vào thức ăn đã đưa vào miệng, có thể mở mắt ra rồi nhắm lại, hoặc có thể nhắm mắt lại rồi mở ra, có thể duỗi ra cánh tay đã được co lại, hoặc có thể co lại cánh tay đã được duỗi ra, việc ấy còn chậm hơn/ tàu đại vương, trí Toàn Tri của đức Thế Tôn là nhẹ nhàng hơn, sự hướng tâm là nhẹ nhàng hơn. Sau khi hướng tâm thì biết được theo như ý muốn. Dầu cho không có sự hướng tâm, chư Phật Thế Tôn ấy vẫn không gọi là không có Toàn Tri”

9. “Thưa ngài Nāgasena, sự hướng tâm là được thực hiện do sự suy tâm, vậy thì ngài hãy giải thích cho trẫm về lý do của trường hợp ấy.”

“Yathā mahārāja purisassa aḍḍhassa mahaddhanassa mahābhogassa pahūtajātarūparajatavittūpakaraṇassa¹ pahūtadhanadhañṇassa sāli-vīhi-yava-taṇḍula-tila-mugga-māsa-pubbaṇṇāparaṇṇa-sappi-tela-navanīta-khīra-dadhi-madhu-guḷa-phāṇitā ca khalopi-kumbhi-piṭhara-koṭṭha-bhājana-gatā bhaveyyuṃ, tassa ca purisassa pāhunako āgaccheyya bhattāraho bhattābhikaṅkhī, tassa ca gehe yaṃ raddhaṃ² bhojanaṃ taṃ pariniṭṭhitaṃ bhaveyya, kumbhito taṇḍule nīharitvā bhojanaṃ randheyya, api nu kho so mahārāja puriso tāvatakena bhojanavekallamattakena adhano nāma kapaṇo nāma bhaveyyā ”ti?

“Na hi bhante. Cakkavattirañño ghare ’pi bhante akāle bhojanavekallaṃ hoti, kimaṅgapana³ gahapatikassā ”ti.

“Evameva kho mahārāja tathāgatassa āvajjanavikalāmattakaṃ sabbaññutaññaṃ, āvajjetvā yadicchakaṃ jānāti.

10. Yathā pana mahārāja rukkho assa phalito onatavinato piṇḍibhāra-bharito, na kiñci tattha patitaṃ phalaṃ bhaveyya. Api nu kho so mahārāja rukkho tāvatakena patitaphalavekallamattakena aphaḷo nāma bhaveyyā ”ti?

“Na hi bhante. Patanapaṭibaddhāni tāni rukkhaphalāni. Patite yadicchakaṃ labhatī ”ti.

“Evameva kho mahārāja tathāgatassa āvajjanapaṭibaddhaṃ sabbaññutaññaṃ, āvajjetvā yadicchakaṃ jānāti ”ti.

“Bhante nāgasena, āvajjetvā⁴ buddho yadicchakaṃ jānāti ”ti?

“Āma mahārāja, bhagavā āvajjetvā āvajjetvā⁵ yadicchakaṃ jānāti. Yathā mahārāja cakkavattī rājā yadā cakkaratanam sarati ‘upetu me cakkaratanan ’ti, sarite sarite cakkaratanam upeti,⁶ evameva kho mahārāja tathāgato āvajjetvā āvajjetvā yadicchakaṃ jānāti ”ti.

“Daḷhaṃ bhante nāgasena kāraṇam. Buddho sabbaññū sampañcchāma buddho sabbaññū ”ti.

Buddhassa bhagavato sabbaññūbhāvapañho dutiyo.

¹ pahūtajātarūparajatassa pahūtavittūpakaraṇassa - Ma.

² randhaṃ - Ma, PTS.

³ kiṃ pana - Ma, PTS.

⁴ āvajjetvā āvajjetvā - Ma; āvajjitvā āvajjitvā - PTS.

⁵ āvajjitvā āvajjitvā - PTS, evaṃ sabbattha.

⁶ sarite cakkaratanam upeti - Ma, PTS.

“Tâu đại vương, giống như người giàu thể có nhiều tài sản, có nhiều của cải, có đôi dào vàng bạc và vật sở hữu dự phòng, có đôi dào tài sản và ngũ cốc là gạo thơm, thóc, lúa mạch, gạo xay, mè, đậu *mugga*, đậu *māsa*, các loại hạt chưa chế biến hoặc các loại khác nữa, bơ lỏng, dầu ăn, bơ đặc, sữa tươi, sữa đông, mật ong, mật đường, và đường mía được chứa ở bình, chum, lu, hũ, chậu, và có người khách, là người xứng đáng để mời ăn và có sự mong mỏi về bữa ăn, đi đến với người ấy, nhưng tại nhà của người ấy thức ăn nấu chín là đã hết sạch thì có thể đem gạo từ chum lại rồi nấu chín. Tâu đại vương, phải chăng do sự việc thiếu hụt thức ăn trong chốc lát mà người ấy trở thành người không có tài sản và nghèo khó?”

“Thưa ngài, không đúng. Thưa ngài, ngay cả ở nhà của đức Chuyển Luân Vương cũng có sự thiếu hụt thức ăn vào lúc không đúng thời điểm, thì có điều gì đối với gia chủ.”

“Tâu đại vương, tương tự y như thế là trí Toàn Tri của đức Như Lai trong trường hợp không có sự hướng tâm, sau khi hướng tâm thì biết được theo như ý muốn.”

10. Tâu đại vương, hơn nữa giống như cây cối thì có thể kết trái, bị oằn xuống, bị uốn cong, bị mang nặng trĩu bởi những chùm trái, và không có trái nào bị rơi rụng ở tại nơi ấy. Tâu đại vương, phải chăng do sự việc không có trái cây rơi rụng trong chốc lát mà cây ấy trở thành không có trái cây?”

“Thưa ngài, không đúng. Những trái cây ấy được gắn liền với sự rơi rụng. Khi được rơi rụng thì đạt được theo như ý muốn.”

“Tâu đại vương, tương tự y như thế là trí Toàn Tri của đức Như Lai trong trường hợp không có sự hướng tâm, sau khi hướng tâm thì biết được theo như ý muốn.”

“Thưa ngài Nāgasena, có phải sau khi hướng tâm thì đức Phật biết theo như ý muốn?”

“Tâu đại vương, đúng vậy. Đức Thế Tôn sau khi lần lượt hướng tâm thì biết được theo như ý muốn. Tâu đại vương, giống như đức Chuyển Luân Vương khi nào nhớ đến bánh xe báu (khởi ý rằng): ‘Bánh xe báu hãy đến với ta,’ trong khi nhớ đi nhớ lại thì bánh xe báu hiện đến. Tâu đại vương, tương tự y như thế, đức Như Lai sau khi lần lượt hướng tâm thì biết được theo như ý muốn.”

“Thưa ngài Nāgasena, lý do là vững chắc. Đức Phật là đấng Toàn Tri. Chúng tôi chấp nhận đức Phật là đấng Toàn Tri.”

Câu hỏi về bản thể Toàn Tri của đức Phật Thế Tôn là thứ nhì.
